

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 32

Chương 2: **KIẾN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 2: **MỘT HÀNH**, Phần 2

Thân kiến gồm nhiếp bao nhiêu sử?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Gồm thân pháp, gồm nhiếp pháp người khác, không gồm nhiếp pháp của mình. Như Tỳ-bà Xà-bà-đề (Luận sư Phân Biệt) dựa vào kinh giả danh của Phật. Vừa dựa vào pháp ngôn ngữ của thế tục để nói là gồm nhiếp pháp, gồm nhiếp pháp người khác, không gồm nhiếp pháp của mình.

Chỗ thuyết giảng kinh giả danh là sao? Như Phật nói: “Ví như chiếc đấu vung thọ nhận vung con, làm chỗ dựa cho vung con, vì đấu vung vượt hơn, nên gồm nhiếp các vung con”. Luận sư kia nói rằng: “Cái đấu vung khác với vung con mà gồm nhiếp chiếc vung con”. Cho nên biết gồm nhiếp pháp, gồm nhiếp pháp của người khác, không gồm nhiếp pháp của mình.

Kinh khác cũng nói: Năm căn này tuệ là vượt hơn, là thuộc về tuệ. Tuệ khác với bốn căn. Cho nên biết gồm nhiếp pháp người khác.

Kinh khác cũng nói: Như Phật hỏi cư sĩ Ha-đức-ca: ông làm sao gồm nhiếp quyền thuộc? Vì sao ông lại biết mình gồm nhiếp quyền thuộc?

Cư sĩ đáp: Bạch Thế tôn! bốn nhiếp pháp mà Đức Thế tôn nói: là Bố thí, êm ái, lợi ích, đồng sự. Vì bốn pháp này gồm nhiếp quyền thuộc nên cũng biết mình gồm nhiếp quyền thuộc.

Cư sĩ kia nói rằng: Cư sĩ, quyền thuộc và pháp gồm nhiếp, mỗi thứ đều khác nhau mà có thể gồm nhiếp nhau. Cho nên biết gồm nhiếp pháp người khác, không gồm nhiếp pháp của mình.

Kinh khác lại nói: Chánh kiến, chánh phương tiện, chánh giác là

thuộc về thân tuệ. Chánh tuệ, chánh định là thuộc về thân định.

Luận sư kia nói rằng: Chánh kiến là tuệ, thuộc về thân tuệ, chánh định thuộc về thân định, có thể như thế. Chánh giác, chánh phương tiện chẳng phải tánh tuệ, chánh niệm chẳng phải tánh định. Chánh giác, chánh phương tiện thuộc về thân tuệ, chánh niệm thuộc về thân định. Vì cho nên biết pháp gồm nhiếp là gồm nhiếp pháp của người khác.

Pháp ngôn ngữ của thế tục: Thế tục cũng nói rằng: Cửa gồm nhiếp then cửa, chỉ gồm nhiếp áo, dây tơ gồm nhiếp bó củi.

Người tại gia cũng nói rằng: Ta có thể gồm nhiếp nhà, tiền của, tài sản, voi, ngựa, tôi tớ của mình.

Người xuất gia cũng nói rằng: Ta gồm nhiếp y, bát và gồm nhiếp vật mà Sa-môn cần dùng.

Những vị ấy dùng giả danh như thế, gọi là kinh nói. Và vì pháp thuộc về ngôn ngữ của thế tục, nên biết pháp gồm nhiếp là gồm nhiếp người khác, không gồm nhiếp pháp của mình. Cũng nói pháp gồm nhiếp là gồm nhiếp tự thể.

Nếu phải gồm nhiếp pháp, thì chỉ gồm nhiếp người khác, không gồm nhiếp tự thể, tức là thể của một pháp đồng với thể của tất cả pháp cũng sinh, một pháp diệt, thì tất cả pháp cũng diệt.

Lại có lỗi là pháp, bị dứt trừ của kiến khổ, thì gồm nhiếp pháp bị dứt của tu đạo. Pháp, bị dứt trừ của kiến khổ nếu dứt bỏ thì pháp, bị dứt trừ của tu đạo cũng nên dứt. Nếu vậy thì đối trị sự sinh sau không có tác dụng.

Vì muốn không có lỗi như thế, nên nói gồm nhiếp pháp là gồm nhiếp về tự tánh, không gồm nhiếp pháp khác.

Hỏi: Nếu gồm nhiếp pháp chỉ gồm nhiếp pháp của mình, mà không gồm nhiếp pháp người khác, thì với kinh bộ Tỳ-bà Xà-bà-đề đã dẫn và pháp ngôn ngữ của thế tục, làm sao hiểu được?

Đáp: Vì kinh kia là chưa liễu nghĩa, là giả danh, là ý chưa rõ ráo.

Hỏi: Kinh kia là chưa liễu nghĩa, là giả danh, là ý chưa rõ ráo là sao?

Đáp: Như kinh nói: “Chiếc đấu vung thọ nhận chiếc vung con, có thể gồm nhiếp vung con”. Trong đây, nói nương dựa cầm giữ là sự gồm nhiếp. Vì sao? Vì chiếc vung con nương dựa vào đấu vung, đấu vung gìn giữ vung con mà không để vỡ. Như nói trong năm căn, tuệ là hơn hết, vì thuộc về tuệ, nên ở đây, tuệ là phương tiện, nói gồm nhiếp. Vì sao? Vì tuệ phương tiện, nên năm căn có thể có chỗ thực hành, trở thành việc

lớn như nói: Ta dùng bốn nhiếp pháp mà Đức Thế tôn đã giảng nói để gồm nhiếp quyến thuộc của ta, cho đến nói rộng.

Ở đây, nói không để vỡ là gồm nhiếp, do phương tiện của bốn nhiếp, nên làm cho quyến thuộc không lìa tán. Như nói chánh giác, chánh phương tiện, chánh niệm là thuộc về thân tuệ, thân định. Trong đây, nói thuận theo là gồm nhiếp. Chánh giác, chánh phương tiện thuận theo thân tuệ, chánh niệm thuận theo thân định. Như nói: Cửa gồm nhiếp then cửa, chỉ có thể gồm nhiếp áo, dây buộc gồm thân bó củi. Ở đây, nói gìn giữ là gồm nhiếp. Như nói: Người tại gia, xuất gia gìn giữ ruộng vườn, cửa cải, y, bát v.v... Trong đây nói làm lợi ích là gồm nhiếp, gồm nhiếp pháp, gồm nhiếp pháp người khác, có khi gồm nhiếp, có khi không gồm nhiếp. Hoặc có lý do gồm nhiếp, hoặc có lý do không gồm nhiếp. Như kệ nói:

*Nhân việc sinh ra ái
Nhân sự sinh giận dữ
Người đời khởi ái, giận
Đều là do ở việc.*

Gồm thân pháp, gồm nhiếp pháp của mình: tất cả thời gian gồm nhiếp, đều có lý do. Tất cả thời gian đều gồm nhiếp, nghĩa là không lúc nào không gồm nhiếp tự tướng đều có. Vì sao? Vì tự thể không đối đãi, cho nên gồm nhiếp pháp. Nếu quán sát pháp tự tướng, thì lúc trở lại gồm nhiếp pháp của tự tướng, sẽ có lợi ích gì?

Đáp: Dứt trừ tướng ngã, tướng nhóm, có thể tu tướng pháp, tướng riêng. Nếu chúng sinh có tướng nhóm, tướng ngã, thì sự sinh tâm tham, giận, si, nên đối với sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không thể thoát khỏi. Nếu có thể dứt bỏ tướng ngã, tướng nhóm, để quán sắc, giống như rải bụi quán pháp Vô sắc, trước sau không đều có quán chung tướng mạo lìa tan của pháp hữu vi, giống như rải cát, tức là sản sinh chủng tử của môn giải thoát không. Nếu quán các hành vắng lặng mà không ưa sinh tử, liền sinh chủng tử của môn giải thoát vô nguyện. Nếu không ưa sinh tử mà cầu Niết-bàn thì sinh ra chủng tử của môn giải thoát vô tướng. Nương dựa tam-muội phẩm hạ, liền sinh tam-muội phẩm trung, dựa vào tam-muội phẩm trung, sinh tam-muội phẩm thượng, y tam-muội phẩm thượng, có thể lìa dục ba cõi. Khi quán sát pháp tự tướng, trở lại gồm nhiếp pháp tự tướng, sẽ có lợi ích tốt như thế: Thân kiến gồm nhiếp ba sử. Tóm lại, thân kiến gồm nhiếp ba sử, thân kiến ở ba cõi: Thân kiến cõi Dục, lại gồm nhiếp thân kiến cõi Dục, cho đến thân kiến cõi Vô sắc trở lại gồm nhiếp thân kiến cõi Vô sắc. Giới

thủ gồm nhiếp sáu sử, nghi, gồm nhiếp mười hai sử, pháp khác gồm nhiếp, như kinh này đã nói.

Hỏi: Sao gọi là gồm nhiếp?

Đáp: Tự thể đối với tự thể, là có, là thật, là có thể được, nên gọi là gồm nhiếp. Tự thể đối với tự thể, chẳng khác với tự thể, ở tự thể, chẳng phải ngoài. Tự thể đối với tự thể chẳng xa nhau. Tự thể đối với tự thể chẳng xả bỏ nhau. Tự thể đối với tự thể chẳng phải không. Tự thể đối với tự thể không có lớn đây. Tự thể đối với tự thể chẳng phải không là đã có, chẳng phải xưa không mà nay có, chẳng phải không mà sẽ có. Vì tự thể lại gồm nhiếp tự thể nên gọi là gồm nhiếp, chẳng phải như tay cầm thức ăn, ngón tay nắm lấy chiếc áo, gọi là gồm nhiếp. Do các pháp trở lại gồm nhiếp tự thể, gọi là gồm nhiếp, không gồm nhiếp pháp người khác.

Ba kiết gồm nhiếp ba căn bất thiện hay ba căn bất thiện gồm nhiếp ba kiết?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Gồm sáu pháp, gồm nhiếp người khác, không gồm nhiếp tự thể.

Vì muốn lại ngăn dứt ý của lời nói như thế, nên soạn luận này.

Hỏi: Ba kiết gồm nhiếp ba căn bất thiện hay ba căn bất thiện gồm nhiếp ba kiết?

Đáp: Mỗi thứ đều không gồm nhiếp nhau. Pháp khác, nói rộng như kinh này.

Thân kiến khiến cho bao nhiêu hữu nối tiếp nhau?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tâm không nhiễm ô khiến cho hữu nối tiếp nhau, như phái Tỳ-bà Xà-bà-đề đã nói như thế.

Hỏi: Vì sao Bà-đề nói như thế?

Đáp: Vì phái ấy đã dựa vào kinh Phật. Kinh Phật nói: Bồ-tát trụ nơi chánh trí, nhập vào thai mẹ, trụ trong chánh trí trụ trong thai mẹ, trụ nơi chánh trí ra khỏi thai mẹ.

Vì ngăn dứt ý của lời nói như thế, vì muốn nói, chỉ do tâm nhiễm ô làm cho hữu nối tiếp nhau nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu nói chỉ do tâm nhiễm ô, nên đã khiến cho hữu nối tiếp nhau ấy, thì kinh Phật nói, làm sao hiểu được?

Đáp: Ở đây nói tâm không điên đảo, gọi là chánh trí. Chúng sinh đều do tâm điên đảo vào thai chỉ trừ Bồ-tát. Khi Bồ-tát nhập thai, Ngài nghĩ rằng: “Đây là mẹ ta, đây là cha ta, đối với mẹ khởi thân yêu mẹ,

đối với cha, khởi thân kính”. Vì tâm không điên đảo khi vào thai mẹ, nên gọi là chánh trí.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì: Hoặc có thuyết nói: Chỉ do hai kiết ái, giận dữ, nên đã làm cho hữu nối tiếp nhau, như phái Thí dụ giả nói.

Hỏi: Vì sao người kia nói như thế?

Đáp: Vì người kia dựa vào kinh Phật. Kinh Phật nói: Vì ba việc hợp nên vào thai:

1. Cha, mẹ có tâm nhiễm giao hội một chỗ.
2. Gặp lúc người mẹ kia không bị bệnh.
3. Người thọ thân hiện ở trước, đúng lúc này.

Thọ thân, nghĩa là hai thứ tâm xoay vần hiện ở trước, hoặc đi chung với dục, hoặc đi chung với sự giận dữ.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói tất cả kiết khiến cho hữu nối tiếp nhau, nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu vậy, thì với kinh Phật nói, làm sao hiểu được?

Đáp: Trong thuyết kia nói có tâm, không nói có tâm nối tiếp nhau.

Hoặc có thuyết nói: Tâm trong đường ác, do tâm giận dữ, nên khiến cho hữu nối tiếp nhau. Tâm trong hàng trời, người, do tâm ái, làm cho hữu nối tiếp nhau.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng muốn nói ba mươi sáu sử của chúng sinh trong cõi Dục, khiến cho hữu nối tiếp nhau. Cõi Sắc có ba mươi một sử, cõi Vô sắc có ba mươi một sử khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, cho đến nói rộng, nên soạn luận này.

Hữu cũng có nhiều tên, như trong đây nói: Năm ấm, chỗ thọ thân của số chúng sinh là hữu. Như nói cõi Dục, trong cõi Dục sanh tử. Tất cả hữu của cõi Dục có nối tiếp nhau chăng? Ở đây, cũng nói: Số chúng sinh thọ thân năm ấm, gọi là hữu, như nói bị triền ràng buộc, khiến cho địa ngục có nối tiếp, trong đó cũng nói chỗ số chúng sanh thọ thân, năm ấm gọi là hữu, như nói khi hữu cõi Dục nối tiếp nhau, đầu tiên được bao nhiêu tướng của nghiệp báo? Ở đây cũng nói: Năm ấm, chỗ thọ thân của số chúng sinh, gọi là hữu, như nói có bốn hữu. Thời gian trước kia, có tử hữu, trung hữu, sinh hữu. Ở đây cũng nói như trên. Như nói: Bỏ hữu cõi Dục, lúc lại khiến cho cõi Dục nối tiếp nhau, tất cả đều diệt pháp trói buộc ở cõi Dục, lại, khởi lên pháp trói buộc ở cõi Dục hiện ở

trước. Ở đây cũng nói như trên, như nói: Thế nào là pháp hữu? Đáp: Là pháp hữu lậu. Tức trong đây nói: Tất cả pháp hữu lậu là hữu. Như nói: Vượt qua kẻ thù địch phải biết có lúc sinh, lấy thức làm thức ăn. Trong đây nói: khi sanh nối tiếp thì tâm quyến thuộc gọi là Hữu. Phật bảo Tôn giả A-nan! Nếu nghiệp có thể khiến cho đời sống sau nối tiếp nhau là hữu, cũng gọi là hữu. Ở đây nói tạo ra sự tư duy hữu ở vị lai, gọi là hữu. Như nói: Thủ duyên hữu.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Thời gian của năm ấm đã nói trong đây, gọi là hữu.

Tôn giả Cù-sa nói rằng: Gây ra nghiệp hữu ở vị lai, gọi là hữu, như nói bảy hữu:

1. Hữu địa ngục.
2. Hữu súc sinh.
3. Hữu ngạ quỷ.
4. Hữu trời.
5. Hữu người.
6. Hữu nghiệp.
7. Trung hữu.

Ở đây nói nhân của năm đường hướng về ngã đường là hữu. Hữu của năm đường, tức là nghiệp hữu của năm cõi, là hữu trong nhân của năm cõi, là năm hướng đến. Như nói: Thế nào là dục hữu? Duyên thủ lệ thuộc cõi Dục, có thể sản sinh nghiệp hữu ở vị lai. Trong đây nói nghiệp, báo nghiệp, không nói thủ duyên.

Hỏi: Nếu ở đây chỉ nói nghiệp, báo nghiệp, không nói thủ duyên, thì thuyết trong phẩm Mười môn làm sao hiểu? Như nói: Dục hữu do tất cả sử cõi Dục sai khiến, Sắc, cõi Vô sắc hữu do tất cả sử cõi Sắc, cõi Vô sắc sai khiến. Cõi Dục, có thể như thế. Vì sao? Vì năm thứ dứt cõi Dục, nghiệp hết có thể sinh báo. Nghiệp, do tu đạo dứt ở cõi Sắc, cõi Vô sắc có thể sinh báo, sao có thể như thế được?

Đáp: Văn của mười môn, nên nói rằng: Dục hữu cõi Dục bị tất cả sử sai khiến, Sắc hữu, cõi Vô sắc hữu là sử, do tu đạo dứt ở cõi Sắc, cõi Vô sắc. Và chung cho tất cả sử mà không nói, là có ý gì? Tâm của năm thứ dứt ở đây có thể sinh ra hữu, khiến cho hữu nối tiếp nhau trong phần hữu, là quyến thuộc của hữu, nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: Trong chương của mười môn, nói nghiệp, nghiệp báo, trong giải thích nghĩa chương, nói nghiệp, nghiệp báo và nói thủ duyên.

Hỏi: Nếu vậy thì ở đây làm sao hiểu? Như nói: Tôn giả kia vì sao

trước lập chương? Vì muốn làm sáng tỏ nghĩa môn, sao lại lập nghĩa của chương khác, giải thích nghĩa của chương khác? Cho nên, như thuyết trước là tốt.

Hỏi: Vì sao gọi là hữu?

Đáp: Vì sinh, diệt nên gọi là hữu.

Hỏi: Nếu vậy đạo sở hành cũng sinh, diệt có thể là hữu chăng?

Đáp: Nếu sinh, diệt có thể làm cho hữu tăng trưởng rộng, thì là hữu. Thánh đạo dù sinh, diệt, nhưng không làm cho hữu thêm rộng, chỉ khiến cho nó bị hao hụt, giảm ít.

Lại nữa, nếu sinh, diệt, có thể khiến cho hữu nối tiếp nhau, tăng trưởng sinh, già, bệnh, chết, là hữu. Mặc dù Thánh đạo còn sinh diệt nhưng có thể dứt bỏ sự nối tiếp nhau của hữu, không thêm trưởng sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, nếu sinh diệt là dấu vết của khổ, tập, đạo, là dấu vết của đạo sinh tử thế gian, là hữu. Thánh đạo dù sinh, diệt, nhưng là dấu ấn của khổ, tập, diệt, đạo, là dấu vết diệt, đạo của sinh tử thế gian.

Lại nữa, nếu sinh, diệt là thể của thân kiến, là thể của điên đảo, là thể của ái, là thể của sử, là chỗ lập đủ tham, giận si, là vết như xen lẫn, cận bã xen lẫn ở hữu rơi vào khổ đế, tập đế, là hữu Thánh đạo trái với tẻ trạng này, nên không gọi là Hữu.

Lại nữa, nghĩa đáng sợ là nghĩa hữu.

Hỏi: Nếu vậy, Niết-bàn đáng sợ, có thể là hữu chăng? Như nói: Tỳ-kheo nên biết! Phạm phu, ngu tiểu nghe nói Niết-bàn không có ngã, không có người kia, không có tất cả vật mà ta cần dùng, đối với pháp này, sinh tâm sợ hãi?

Đáp: Nếu người sợ hữu chính là sợ Niết-bàn phải chăng?

Lại nữa, pháp đáng sợ, phạm phu, bậc Thánh đều sợ. Niết-bàn chỉ là đối tượng mà phạm phu sợ, chứ chẳng phải điều khiến bậc Thánh sợ.

Lại nữa, vì là đồ đựng khổ, nên gọi là hữu.

Hỏi: Đây cũng là đồ đựng vui, như nói: Ma-ha-nam nên biết! Nếu sắc là hoàn toàn khổ, không có phần vui, thì sẽ không sanh vui mừng, chúng sinh đối với sắc, lẽ ra không nhiễm đắm. Nay Ma-ha-nam, do sắc chẳng phải hoàn toàn khổ, vì có một chút phần vui, có thể sinh ra vui mừng, nên chúng sinh đắm nhiễm. Cũng nói có ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ, bất lạc thọ. Cũng nói nhu cầu rất cần thiết là công cụ của đạo. Đạo là công cụ của Niết-bàn, cũng nói là rất cần niềm vui để có thể sinh ra niềm vui về đạo. Thú vui của đạo là có thể đạt đến

Niết-bàn.

Đáp: Mặc dù sự sinh tử có một chút vui, nhưng phần nhiều là đau khổ, vì phần vui ít, nên nói là phần khổ. Cũng như bình thuốc độc, mặc dù chế một giọt mật vào trong bình thuốc độc, nhưng không vì một giọt mật mà gọi là bình mật, vì chất độc nhiều hơn, nên nói là bình thuốc độc. Phần ít thân kiến, đã làm cho đục hữu nối tiếp nhau, phần ít khiến cho sắc hữu nối tiếp nhau, phần ít làm cho Vô sắc hữu nối tiếp nhau.

Thân kiến ở ba cõi: Người ở cõi Dục, khiến cho đục hữu nối tiếp nhau. Người ở sắc hữu, làm cho sắc hữu nối tiếp nhau. Người ở Vô sắc hữu, khiến Vô sắc hữu nối tiếp nhau. Giới thủ, nghi cũng giống như thế. Pháp khác, nói rộng như kinh này.

Sự nối tiếp nhau có năm thứ:

1. Trung hữu nối tiếp nhau.
2. Sinh hữu nối tiếp nhau.
3. Thời gian nối tiếp nhau.
4. Pháp nối tiếp nhau.
5. Sát-na nối tiếp nhau.

Trung hữu nối tiếp nhau: Tử ấm diệt, kế là sinh trung ấm. Trung ấm nối tiếp tử ấm, gọi là trung hữu nối tiếp. Sinh hữu nối tiếp nhau: Trung ấm diệt, kế là sinh ra sinh ấm. Sinh ấm nối tiếp trung ấm gọi là sinh hữu, nối tiếp thời gian nối tiếp nhau: Lúc Ca-la-la diệt, kế là sinh A-phù-đà. Lúc A-phù-đà nối tiếp với lúc Ca-la-la, được gọi là thời gian nối tiếp. Cho đến thời trung niên diệt, kế sinh thời già niên, thời già niên nối tiếp thời trung niên, đó gọi là thời gian nối tiếp nhau.

Pháp nối tiếp nhau: Sau pháp thiện, kế sinh pháp bất thiện, vô ký. Pháp bất thiện, vô ký nối tiếp với pháp thiện. Về sau, pháp bất thiện, vô ký nói cũng giống như thế. Đó gọi là pháp nối tiếp nhau.

Sát-na nối tiếp: Sát-na sinh trước, kế sinh sát-na sau. Sát-na sau nối tiếp sát-na trước. Đó gọi là sát-na nối tiếp.

Năm thứ nối tiếp nhau này đều nhập vào sự nối tiếp nhau của hai tướng, nghĩa là pháp nối tiếp nhau, sát-na nối tiếp nhau. Vì sao? Vì trung hữu nối tiếp nhau, sinh hữu nối tiếp nhau, thời gian nối tiếp nhau, đều là pháp sát-na nối tiếp nhau.

Trong các cõi, cõi Dục có năm thứ nối tiếp nhau, cõi Sắc có bốn, trừ thời gian nối tiếp nhau. Cõi Vô sắc có ba, trừ trung hữu nối tiếp nhau thời gian nối tiếp nhau.

Trong các đường: Địa ngục có bốn, trừ thời gian nối tiếp nhau. Bốn đường khác và bốn loài có năm thứ nối tiếp nhau.

Ở đây, dựa vào hai thứ nối tiếp nhau để soạn luận, là Trung hữu nối tiếp nhau, sinh hữu nối tiếp nhau.

Hỏi: Sử có thể khiến cho hữu nối tiếp nhau, chẳng phải triền là ý địa, cũng chẳng phải năm thức thân, vì sao lại nói như thế này: Thùy miên, trạo, hối, do sự xúc chạm của mũi sinh ra ra ái, xúc chạm của lưỡi sinh ra ái, làm cho dục hữu nối tiếp nhau. Mắt xúc chạm sinh ra ra ái, tai xúc chạm sinh ra ái, thân xúc chạm sinh ra ái, khiến cho hai hữu nối tiếp nhau, phần ít nhập dục hữu, phần ít nhập sắc hữu?

Đáp: Đoạn văn trên đây nên nói rằng: Cái tham dục, cái giận dữ và cái nghi, khiến cho dục hữu nối tiếp nhau. Ý xúc chạm sinh ái, khiến cho ba hữu nối tiếp nhau, các cái, còn lại, xúc chạm sinh ái, không thể làm cho hữu nối tiếp nhau. Nếu không nói như thế, nên biết thuyết này chưa rõ ráo. Lại nữa, vì hữu do không dứt bỏ, nên nói là nối tiếp nhau. Nếu không dứt cái, không dứt bỏ sự xúc chạm của mũi, có cảm giác yêu, thì khi qua đời sẽ sinh lại cõi Dục.

Nếu không dứt mắt xúc chạm sinh ra ái, tai xúc chạm cảm thấy ái, thân xúc chạm có cảm giác yêu, thì sau khi chết sẽ sinh lại cõi Dục.

Cõi Sắc lại có ba việc, khiến cho hữu nối tiếp nhau:

1. Không dứt.
2. Có công năng sinh ra quả.
3. Khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Sử ở năm thức thân, bất thiện, có hai việc:

1. Không dứt bỏ.
 2. Có công năng sinh ra quả.
- Không thể khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Vô ký: Có một việc, không dứt bỏ, không thể sinh quả, không thể khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Sử ở lĩnh vực ý (ý địa) về bất thiện, có ba việc:

1. Không dứt.
2. Có thể sinh ra quả.
3. Có thể làm cho hữu nối tiếp nhau.

Vô ký: Có ba việc:

1. Không dứt.
2. Khiến hữu nối tiếp nhau.
3. Không thể sinh ra quả.

Triền ở ý địa, năm thức thân. Bất thiện có hai việc:

1. Không dứt, có thể sinh quả.
2. Không thể khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Vô ký: Có một việc: Không dứt, không thể sinh quả, không thể khiến cho hữu nối tiếp nhau.

Nếu có ba việc trên đây, thì làm cho hữu nối tiếp nhau.

Thân kiến do tam-muội nào diệt?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn nói lên Đức Phật xuất hiện ở thế gian, có năng lực ít có như thế, nên soạn luận này. Luận Thi Thiết đã nói rằng: Ngoài cõi Diêm-phù-đề có con đường của Chuyển luân Thánh vương, rộng một do-tuần, bị nước biển tràn ngập. Nếu ở vào thời kỳ không có Chuyển luân Thánh vương xuất hiện, thì sẽ không có chúng sinh nào có thể đi trên con đường ấy. Nếu khi Chuyển luân Thánh vương ra đời, thì lưu lượng nước biển sẽ rút bớt xuống một do-tuần và con đường Chuyển luân Thánh vương sắp đi sẽ hiện ra, cát vàng trải trên con đường, nước hương Chiên đàn rưới lên đó. Lúc Chuyển luân Thánh vương muốn khởi bốn thứ binh chủng đi thị sát bốn châu thiên hạ, sẽ đi trên con đường này.

Cũng thế, vào thời kỳ Phật không ra đời, không có chúng sinh nào có thể đi trên địa cõi gốc. Mặc dù chúng sinh có người lìa dục, nhưng chỉ dựa vào con đường bên cạnh, không được cõi gốc. Nếu khi Chuyển Luân Pháp Vương có mười lực xuất hiện ở thế gian, thì đạo cõi gốc bấy giờ mới hiện ra, cát vàng ba mươi bảy phẩm trải khắp trên đường, dùng nước hương giới, định, tuệ rưới lên. Đức Thế tôn cùng với vô lượng trăm ngàn vạn na-do-tha chúng sinh đi trên con đường đó, tiến đến thành Niết-bàn vô úy.

Cho nên, vì muốn hiển bày việc Phật xuất thế gian, với năng lực ít có như thế, nên soạn luận này.

Thân kiến phải dùng tam-muội nào để trừ diệt? Cũng có thể nói dùng đạo nào, cũng có thể nói dùng đối trị nào? Cũng có thể nói dùng chánh quán nào?

Nói như thế đều đồng một nghĩa, diệt cũng có thể nói là dứt, cũng có thể nói là không có dục, cũng có thể nói là hết, cũng có thể nói là giải thoát.

Các thuyết nói như thế v.v... đều đồng một nghĩa. Xưa có hai vị Đại sư:

1. Tên Kỳ-bà-la.

2. Tên Cù-sa-bạt-ma.

Tôn giả Kỳ-bà-la nói rằng: Ở đây nói dứt rất ráo, dứt không còn sót, hoàn toàn là bậc Thánh, chẳng phải phàm phu, do đạo vô lậu, chẳng phải đạo thế tục. Kinh Thất Y là cõi gốc của luận này. Kinh Thất Y nói

về địa cội gốc, không nói một bên. Không dựa vào địa cội gốc nên dùng đạo thế tục để lia đục.

Tôn giả Cù-sa-bạt-ma nói rằng: Trong đây nói dứt rất ráo, dứt không sót, cũng có người phạm phu cũng có bậc Thánh, cũng dùng đạo thế tục, cũng dùng đạo vô lậu.

Hỏi: Nếu vậy, Kinh Thất Y chẳng phải cội gốc của luận này. Kinh Thất Y chỉ nói về cội gốc?

Đáp: Vì việc ấy, nên A-tỳ-đàm soi sáng Tu-đa-la, giống như ngọn đèn, trong kinh không nói, trong luận này sẽ nói.

Điều trong kinh không trình bày thì ở đây sẽ trình bày. Nghĩa chưa rất ráo trong kinh, thì luận này sẽ nói nghĩa đó. Thuyết hai nhà kia đã nói, đều khéo hiểu. Ba kiết dựa vào bốn y. Vị chí dựa vào bốn y, nghĩa là dựa vào bốn thiên. Dựa vào Vị chí, nghĩa là dựa vào trung gian, Vị chí. Địa này được gọi là Vị chí.

Hỏi: Vì sao gọi là Vị chí?

Đáp: Vì chưa nhập địa cội gốc, địa cội gốc chưa hiện bày ở trước mà lia được đục, gọi là địa Vị chí.

Hỏi: Địa Vị chí không gọi là y, vì sao nói như thế? Hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào Vị chí?

Đáp: Đoạn văn ấy, nên nói rằng: Nếu nhập bốn y, hoặc không nhập bốn y mà diệt nhưng không nói là có ý gì?

Đáp: Vì muốn nói lại danh từ bốn y, như nói: Hoặc nhập cội gốc được diệt, hoặc không nhập cội gốc được diệt. Như có người hỏi người nam khác: Ông vì việc vào thành mà được thành tựu chăng? Hay vì việc không vào thành mà được thành tựu?

Ba kiết từ cõi Dục, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có thể đạt được. Người cõi Dục dựa vào Vị chí, người Sơ thiên dựa y ban đầu, dựa vào Vị chí. Người Nhị thiên dựa vào hai y, dựa vào Vị chí, người ba thiên dựa vào ba y, dựa vào Vị chí, người bốn thiên và Vô sắc, dựa vào bốn y, dựa vào Vị chí. Vì sao? Vì ba kiết là do kiến đạo dứt, đều do kiến đạo mà dứt rất ráo. Kiến đạo tất nhiên ở sáu địa, nghĩa là Vị chí, Trung gian, bốn thiên cội gốc. Nếu dựa vào thiên Vị chí được chánh quyết định, thì ba kiết sẽ do thiên Vị chí tiêu diệt. Nếu dựa vào Sơ thiên được chánh quyết định, thì ba kiết sẽ được diệt khi dựa vào Sơ thiên. Nếu dựa vào cho đến đệ Tứ thiên được chánh quyết định và ba kiết của Vô sắc, thì sẽ diệt khi dựa vào Đệ Tứ thiên.

Trong đây nói đệ Tứ thiên ba kiết của Vô sắc dựa vào bốn thiên tham, giận si của Vị chí và đục lậu, dựa vào Vị chí. Vì sao? Vì khi lia ái

dục, pháp này sẽ dứt hẳn. Nếu người phạm phu dứt ái, thì sẽ dựa vào Vị chí để dứt. bậc Thánh cũng nương vào Vị chí để dứt. Đạo thế tục, đạo Thánh đều dựa vào Vị chí để dứt ái. Hữu lậu hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào Vị chí. Dựa vào bảy, nghĩa là bốn thiên, ba định Vô sắc. Vị chí, nghĩa là Trung gian, Vị chí. Hữu lậu, từ Sơ thiên cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có thể được. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, hoặc dựa vào Vị chí mà lia dục kia, hoặc cho đến dựa vào Vô sở hữu xứ để lia dục kia vì Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hữu lậu nói dựa vào bảy địa và Vị chí. Người ở địa Sơ thiên hoặc dựa vào y ban đầu, hoặc dựa vào Vị chí. Người Nhị thiên, hoặc dựa vào hai y, hoặc dựa vào Vị chí, cho đến Thức xứ, hoặc dựa vào sáu y, hoặc dựa vào Vị chí, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ hoặc nương dựa bảy y, hoặc dựa vào Vị chí.

Vô minh lậu, hoặc dựa vào bảy y, hoặc dựa vào bảy y của Vị chí, nghĩa là bốn thiên, ba định Vô sắc. Vị chí nghĩa là thiên trung gian Vị chí.

Vô minh lậu, từ cõi Dục cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có thể được. Vô minh lậu của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ kia, hoặc nương dựa bảy y, hoặc dựa vào Vị chí. Tóm lại, dựa vào bảy y, hoặc dựa vào Vị chí. Người ở Sơ thiên thì dựa vào y đầu tiên, dựa vào Vị chí, cho đến thức xứ dựa vào sáu y, hoặc dựa vào Vị chí. Vô minh lậu của Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, hoặc dựa vào bảy y, hoặc dựa vào Vị chí. Ngoài ra, nói rộng như kinh này.

Hỏi: Các kiết quá khứ, kiết đó trói buộc phải chăng?

Đáp: Nếu kiết quá khứ thì kiết đó đã trói buộc các kiết quá khứ, đắc kia cũng là quá khứ.

Hỏi: Có khi nào kiết đã trói buộc, kiết ấy chẳng phải quá khứ hay không?

Đáp: Có, là kiết vị lai, hiện tại. Các kiết vị lai, hiện tại, đắc ở quá khứ, khi các kiết sinh, hoặc như con bò mẹ lớn đi trước, hoặc như con nghe ocn đi theo sau, hoặc có khi cùng đi. Như bò mẹ đi trước nghĩa là trước sinh kiết, sau sinh đắc, như nghé con lẻo đẻo đi theo sau, nghĩa là trước đắc, sau sinh kiết. Cùng đi, nghĩa là kiết, đắc cùng sinh.

Nghé con nói trong đây là pháp tùy hành.

Hỏi: Các kiết vị lai, kiết ấy sẽ trói buộc phải không?

Đáp: Hoặc kiết vị lai, kiết ấy chẳng phải sẽ trói buộc, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Hỏi: Thế nào là kiết ở vị lai? Kiết ấy sẽ không trói buộc hay

không?

Đáp: Các kiết vị lai đã dứt, đã biết, đã diệt, đã nôn ra, đối với tâm dứt trừ kiết kia, lại không lui sụt dứt trừ kiết, đó là trí dứt. Biết là trí biết, diệt là số diệt, xả bỏ. Nghĩa là dứt không giải thoát, được giải thoát, được tác chứng. Đối với dứt trừ kiết kia, tâm không thối chuyển, nghĩa là A-la-hán bất thối pháp. Nếu là A-la-hán pháp bất thối, thì kiết, do kiến đạo dứt ba cõi ở vị lai. Đã dứt bỏ, cho đến đã xả bỏ, kiết kia không còn trói buộc vì sao? Vì A-na-hàm là người của pháp không thối chuyển, nếu là A-la-hán thối pháp, kiết do kiến đạo của ba cõi vị lai dứt trừ, sẽ dứt trừ cho đến đã xả bỏ. Kiết ấy không còn trói buộc A-na-hàm là bậc bất thối pháp đã lìa dục của Vô sở hữu xứ.

Kiết, do kiến đạo dứt ba cõi vị lai và kiết của tám địa, do tu đạo dứt, đã dứt cho đến đã xả bỏ, kiết đó không còn trói buộc nữa, cho đến lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên, do kiến đạo dứt ba cõi, pháp, bị dứt trừ của tu đạo cõi Dục. Kiết kia đã dứt, cho đến đã xả bỏ, lại không trói buộc nữa. Tư-đà-hàm của pháp bất thối, kiết do kiến đạo dứt ba cõi ở vị lai và sáu thứ kiết, do tu đạo dứt cõi Dục đã dứt, cho đến đã xả bỏ, lại không còn trói buộc nữa. Kiết do kiến đạo dứt ba cõi ở vị lai, mà Tu-đà-hoàn đã dứt cho đến đã xả bỏ không còn trói buộc nữa.

Phàm phu của pháp bất thối, như Bồ-tát đều lìa dục của Vô sở hữu xứ, kiết do kiến đạo, tu đạo dứt của tám địa đã dứt, cho đến đã xả bỏ không còn trói buộc nữa, cho đến lìa dục cõi Dục. Một địa nói cũng giống như thế.

Hỏi: Thế nào là kiết sẽ trói buộc, kiết kia không ở vị lai?

Đáp: Các kiết quá khứ đã dứt, đã biết, đã diệt, đã xả bỏ. Đối với dứt trừ kiết kia, tất nhiên thối lui, kiết do tu đạo dứt qua khứ ba cõi, đã dứt cho đến đã xả bỏ. Kiết kia sẽ trói buộc, A-na-hàm của thối pháp, đã lìa dục của Vô sở hữu xứ, kiết do tu đạo dứt của tám địa quá khứ dứt trừ, cho đến đã xả bỏ. Kiết đó sẽ trói buộc, cho đến lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục Sơ thiên, nói cũng giống như thế. Đã lìa dục của Vô sở hữu xứ, người phàm phu thối lui, kiết do kiến đạo, tu đạo của tám địa quá khứ đã dứt, cho đến đã xả bỏ. Kiết kia sẽ trói buộc, cho đến lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên, nói cũng như trên.

Hỏi: Thế nào là kiết ở vị lai, kiết đó sẽ trói buộc hay không?

Đáp: Các kiết ở vị lai đã dứt, cho đến đã xả bỏ, kiết ấy tất nhiên thối lui, nói rộng như quá khứ.

Hỏi: Kiết không ở vị lai là sao? Kiết đó sẽ không trói buộc hay không?

Đáp: Các kiết quá khứ đã dứt, cho đến đã xả bỏ, kiết ấy, tất nhiên không thối lui, nói rộng như kiết vị lai.

Hỏi: Các kiết hiện tại, kiết đó nay đang trói buộc hay không?

Đáp: Nếu kiết hiện tại, kiết ấy nay đang trói buộc các kiết hiện tại, đặc kia cũng hiện tại.

Hỏi: Có khi nào kiết hiện nay đang trói buộc, kiết đó chẳng phải hiện tại chăng?

Đáp: Có các kiết quá khứ, vị lai. Các kiết quá khứ, vị lai được ở hiện tại, trói buộc quá khứ: Như cách đi của con bò lớn. Hiện tại, nghĩa là như cách đi của nghé con, đã có thể dùng đao để dứt trừ kiết cội Dục thối lui.

Lúc đao kia lại được thì kiết kia, có được hay không?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có thối pháp, như phái Tỳ-bà Xà- bà-đề vì dùng dụ hiện tại nên đã nói rằng: Hiện nay đang thấy chiếc bình bể, chỉ có các mảnh vụn, không thể thành bình trở lại. Cũng thế, A-la-hán đã dùng định Kim cương dụ, nhằm phá các phiền não, sao cho không còn sót, không thể thành phiền não trở lại. Cũng như đốt gỗ thành tro, không còn công dụng của gỗ nữa.

Cũng thế, A-la-hán dùng lửa trí tuệ đốt bỏ phiền não, không còn tác dụng của phiền não, vì là dụ hiện thực, nên nói không có thối pháp.

Vì dứt trừ ý của người nói như thế, cũng nói thối pháp có thật thể. Nếu nói không có thối pháp, thì trái với kinh Phật. Kinh Phật nói có hai hạng A-la-hán:

1. Thối pháp.
2. Pháp bất thối.

Thối pháp trái với kinh khác, như nói: Có năm nhân duyên A-la-hán thời giải thoát thối chuyển. Năm nhân duyên đó là:

1. Về việc kinh doanh.
2. Đọc tụng nhiều.
3. Hòa giải tranh chấp.
4. Đi xa.
5. Bệnh.

Lại trái với kinh khác, như nói: Tôn giả Cù-hê-ca, đặc quả A-la-hán là thời giải thoát, sáu lần lùi sụt quả A-la-hán. Trở lại lần thứ bảy, sợ thối lui pháp này, dùng đao tự sát chết.

Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên nói pháp thối thật có thể nhất định.

Hỏi: Nếu thối pháp thực sự có thể nhất định, thì theo hiện dụ của thuyết Tỳ-bà Xà-bà-đề nói, làm sao hiểu được?

Đáp: Thuyết này không cần hiểu. Vì sao? Vì thuyết này chẳng phải Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không thể đem việc hiện thực của thế gian để vấn nạn pháp Hiền Thánh, vì pháp Hiền Thánh khác, pháp thế gian khác.

Hỏi: Nếu muốn hiểu, là có ý gì?

Đáp: Lẽ ra nói về lỗi của dụ. Nếu thí dụ có lỗi, thì nghĩa cũng có lỗi. Như lúc chiếc bình bể, có miếng ngói nát vụn còn lại, lúc A-la-hán dứt các kiết là kiết có dư sót hay không có? Nếu là kiết có dư sót, thì đó gọi là hữu kiết, không gọi là A-la-hán. Nếu không bị kiết dư sót thì nghĩa khác, dụ khác, cũng như đốt gỗ, còn lại tro. Cũng thế, khi các kiết của A-la-hán hết, là kiết có thừa hay là không có thừa? Nếu là kiết có thừa, thì không gọi là A-la-hán, nếu không bị kiết thừa, tất nhiên, nghĩa khác, dụ khác. Tuy nhiên gỗ không có nghĩa đốt và vi trần (cực vi) của gỗ làm tác nhân cho cực vi lửa đã tắt, cực vi của lửa làm tác nhân cho vi trần của tro đã tắt. Cho nên, nói rằng: Gỗ là nhân của tro, tro nhân gỗ mà sinh, tạo ra tướng đốt gỗ. Đốt gỗ đã có tro thừa, chẳng phải không còn gì. Cho nên dụ không giống với nghĩa.

Cũng thế, khi phiền não của A-la-hán đã hết, chẳng phải không có bản tánh, ở đời quá khứ, vị lai sẽ có tướng, có thật thể. Nếu trái với kiết, thì các công đức thiện ở trong thân A-la-hán kia, lúc chưa sinh, gọi là kiết không dứt. Nếu các công đức thiện trái với kiết thì khi công đức trong thân A-la-hán kia sinh ra, kiết kia được gọi là dứt.

Cũng thế, lúc tu Thánh đạo không để cho thể của kiết, sử không có bản tánh. Thánh đạo cũng thế, là việc ít có, có thể khiến cho A-la-hán dứt trừ tất cả kiết, không khiến cho kiết này chẳng phải không có bản tánh. Cho nên, Tôn giả Cù-sa đã nói rằng: Vì phiền não không chuyển vận trong thân, nên gọi là dứt. Như Đề-bà-đạt-đa không ở trong nhà, chứ chẳng phải không có tánh Đề-bà-đạt-đa. Phiền não kia cũng giống như thế.

Hỏi: Tỳ-bà Xà-bà-đề nêu làm sao hiểu được? Vì có kinh do Đa-bà-đề dẫn?

Đáp: Bà-đề kia nói rằng: Đạo thối của A-la-hán thối đạo, không thối quả. Vì sao? Vì quả là pháp vô vi.

Hỏi: Nếu vậy thì cho dù quả không thối lui mà. Thối về đạo, chẳng phải thối lui chẳng? Nếu thối lui đạo Vô học thì vì được đạo Hữu học hay không? Nếu được thì cũng nên nói là thối quả, nếu không được thì

có lỗi lớn, thối lui đạo Vô học, không được đạo Hữu học. Lúc này lẽ ra là phạm phu.

Tỳ-bà Xà-bà-đề lại nói rằng: Sử là chủng tử của triền, sử không tương ứng với tâm, triền tương ứng với tâm. Sử có thể sinh triền. Nếu triền hiện ở trước thì gọi là thối. Vì A-la-hán các sử đã dứt, nên không thể sinh triền. Thế nào là khởi triền hiện ở trước mà thối chẳng? Cho nên, Bà-đề kia lại nói rằng: Nói không có thối pháp, là quả vô tri, quả tối tăm, quả của phương tiện không siêng năng mà pháp thối có tương, có thật thể.

Cho nên, vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, cho đến vì muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, nên soạn luận này.

Hỏi: Thể tánh của pháp thối chuyển là gì?

Đáp: Là tánh không thành tựu, vô ký không ẩn một, là thuộc về tâm bất tương ứng hành ấm. Đối với pháp như thế, như nói: Các pháp như thế v.v..., gọi là tâm bất tương ứng hành, thối khác, pháp thối khác. Thối, là tánh không thành tựu, như trên đã nói, pháp thối là pháp bất thiện và pháp vô ký ẩn một, cũng như phá tăng khác, tội phá tăng khác: Phá tăng là tánh không hòa hợp, là vô ký không ẩn một, thuộc về tâm bất tương ứng hành ấm, còn tội phá tăng là tăng nói dối, thành tựu không hòa hợp, hợp với người phá tăng tạo thành tội.

Thối lui như thế khác, thối pháp, nói rộng như trên.

Lại có thuyết nói: Nếu khởi sử, hoặc khởi triền hiện ở trước là tánh thối lui. Nếu vậy, thì tánh của pháp thối là nhiễm ô.

Lại có thuyết nói: Nếu pháp thuận theo pháp thối là tánh thối chuyển.

Nếu rằng tất cả các pháp đều là tánh thối. Vì sao? Vì tất cả đều thuận theo tánh thối chuyển.

Tôn giả Phù-đà-đề-bà nói lời: Sự thối lui không có thể tánh. Vì sao? Vì hành giả vốn có các công đức tốt đẹp như thế, đối với pháp kia lụi mất, đọa lạc. Như người bị giặc cướp tài vật, có người hỏi: Ông mất tài vật, thể tánh của chúng là gì? Người kia đáp: Không có thể tánh. Vốn có tài vật, bị giặc cướp mất đâu có tánh gì? Cũng như có người bị cướp mất chiếc áo. Người khác hỏi: Nay ông mất áo, thể tánh của nó là gì? Người kia đáp: Không có thể tánh. Vì sao? Vì tôi vốn có chiếc áo ấy, bị người cướp mất đâu có tánh gì?

Giống như có một người xé rách áo mình. Người khác hỏi: Nay áo của ông đã rách, thể tánh của nó là gì? Người kia đáp: Không có thể tánh. Vì sao? Vì chiếc áo vốn là nguyên vẹn, người khác xé rách đâu có

tánh gì? Sự thối lui kia cũng giống như thế.

Lời bình: Nên nói như trên: Thể tánh của sự thối lui là tánh không thành tựu, cho đến nói rộng.

Hỏi: Bị thối lui rồi, phiền não mới hiện ở trước, hay phiền não hiện ở trước rồi mới thối lui? Nếu phiền não hiện ở trước rồi thối lui, thì theo thuyết của phái Ba-già-la-na nói làm sao hiểu được? Như nói: Vì ba việc nên khởi kiết dục ái:

1. Không dứt, không biết sử dục ái.
2. Khởi công cụ dục ái hiện ở trước.
3. Không chánh quán.

Nếu phiền não hiện ở trước, rồi lui sụt thì kinh này làm sao hiểu được? Như nói: Có năm nhân duyên khiến A-la-hán thời giải thoát thối lui. Nếu phiền não hiện ở trước rồi thối lui, thì thuyết trong kiên-độ Định, làm sao hiểu được? Như nói: Do tâm của Phi học Phi Vô học thối lui, sinh đặc pháp Hữu học. Thế nào là A-la-hán khởi tâm phiền não hiện ở trước? Với tâm nào theo thứ lớp khởi tâm phiền não? Nếu ngay khi thối lui rồi, khởi phiền não, thì thuyết mà luận Thi Thiết nói, làm sao hiểu được? Như nói: Có khi tâm xa, có khi tâm ngang bướng, vì xa, vì ngang bướng, nên hoặc có lúc khởi ba triền cõi Vô sắc hiện ở trước, nghĩa là ái, mạn, vô minh, nhưng thường khởi triền mạn. Nếu người kia khởi ba triền ở cõi Vô sắc, mỗi mỗi hiện ở trước thì người đó sẽ được gọi là dục ở cõi Vô sắc đã hết, thối lui, trụ trong dục hết cõi Sắc, với Kinh Thức Thân nói, làm sao hiểu được? giống như có một người khởi tâm nhiễm ô cõi Vô sắc, hiện ở trước, vào lúc ấy gọi là xả căn thiện nào? Căn thiện nào nối tiếp nhau?

Đáp: Xả căn thiện Vô học, căn thiện Hữu học nối tiếp nhau, thối lui tâm Vô học, trụ ở tâm Hữu học.

Với thuyết của phái Ba-già-la-na nói làm sao hiểu được? Như nói: Thế nào là pháp thối? Pháp bất thiện, vô ký ẩn một trụ ở tâm nào? Khởi phiền não hiện ở trước?

Đáp: Nên luận như vậy: Hoặc có thuyết nói: Khởi phiền não hiện ở trước, thối lui.

Cũng thế, đối với thuyết sau, khéo hiểu, còn thuyết của phái Ba-già-la-na làm sao thông qua được?

Đáp: Đây là nói người không dứt phiền não, hoặc có người đã dứt phiền não khởi phiền não hiện ở trước, hoặc có người chưa dứt phiền não mà khởi phiền não hiện ở trước. Trong đây nói phiền não chưa dứt, hiện ở trước nghĩa là hoặc có tâm nhiễm ô, theo thứ lớp khởi phiền não

hiện ở trước. Thứ lớp, nghĩa là hoặc có người tâm nhiễm ô theo thứ lớp khởi, phiền não hiện ở trước, hoặc có người không không có tâm nhiễm ô theo thứ lớp khởi, phiền não hiện ở trước. Trong đây nói người có tâm nhiễm ô theo thứ lớp khởi phiền não hiện ở trước. Hoặc có người lui sụt, phiền não hiện ở trước, hoặc có người không lui sụt, phiền não hiện ở trước. Trong đây nói người không lui sụt, phiền não hiện ở trước.

Lại nữa, trong đây nói người có thể khởi đầy đủ phiền não, vì ba việc, nên chúng sinh khởi phiền não:

1. Do năng lực của nhân.
2. Do năng lực cảnh giới.
3. Do năng lực phương tiện.

Như nói: Không dứt, không biết sử dụng ái, là nói do năng lực của nhân của khởi đủ dụng ái hiện ở trước, là nói sức của cảnh giới. Không chánh quan là nói năng lực phương tiện.

Lại nữa, vì không đồng với ngoại đạo, nên nói rằng. Ngoại đạo nói: Vì cảnh giới nên phiền não sinh ra, nếu cảnh giới hoại, thì sẽ không có phiền não.

Vì ngăn chậm ý như thế, nên Tôn giả kia nói vì không chánh quán, nên phiền não sinh.

Với kinh Phật nói, làm sao hiểu, như kinh nói: Có năm nhân duyên, A-la-hán thời giải thoát thối lui?

Đáp: Trong đây nói thối lui đủ, gọi là thối, kinh khác cũng nói: Vì pháp khác đủ, nên gọi là pháp khác. Ở đây cũng giống thế, vì thối lui đủ, nên gọi là thối pháp.

Hỏi: Theo thuyết của Kiền-độ Định nói làm sao hiểu?

Đáp: Trong đây nói căn thối lui, không nói quả thối lui, sao A-la-hán lại khởi tâm phiền não?

Đáp: A-la-hán khởi phiền não hiện ở trước, nếu khởi phiền não hiện ở trước, thì sẽ chẳng phải A-la-hán, như người phạm phu khởi pháp vô lậu hiện ở trước. Nếu đã khởi pháp vô lậu hiện ở trước, thì sẽ chẳng phải phạm phu. Người Hữu học khởi pháp Vô học hiện ở trước không khởi pháp Vô học hiện ở trước thì sẽ chẳng phải người Hữu học.

Hỏi: Những tâm nào theo thứ lớp khởi tâm phiền não hiện ở trước?

Đáp: Rốt ráo lìa dụng của Phi tướng Phi phi tướng xứ, lại khởi kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ kia, theo thứ lớp, sinh sau tâm thiện. Nếu chẳng phải người rốt ráo lìa dụng, khởi kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ thối lui. Theo thứ lớp của xứ kia, hoặc khởi tâm thiện, hoặc khởi tâm

niêm ô, cho đến lia dục của Sơ thiền, nói cũng như thế. Khi dứt hẳn dục cõi Dục, thối lui, hai thứ tâm theo thứ lớp sinh phiền não, đó là tâm thiện, tâm vô ký không ẩn một. Nếu không đều lia dục cõi Dục, thì ba thứ tâm sẽ theo thứ lớp sinh phiền não, nghĩa là tâm thiện, niêm ô, vô ký không ẩn một.

Lại có thuyết nói: thối lui rồi, phiền não hiện ở trước.

Thuyết trước đã nói, khéo hiểu, với Luận Thi Thiết, luận Thứ Thân nói, làm sao thông qua?

Đáp: Thuyết ấy không biết, không giác, nên nói rằng: Trước, thối lui, không biết, không rõ, sau, lúc phiền não khởi, mới biết, mới tỏ. Nay ta thối lui, cũng như Tỳ-kheo tụng bốn bộ A-hàm, vì không phúng tụng, nên bị quên mất, đều không biết rõ. Về sau, tụng không được, mới biết mình đã quên, lúc chẳng tụng, thì trước đó đã quên. Sự thối lui kia cũng giống như thế.

Hỏi: Với kinh Ba-già-na nói, làm sao hiểu được?

Đáp: Thuyết này gây tổn giảm pháp thiện, xa cách pháp thiện. Nếu khi phiền não thường hiện ở trước, xa cách pháp thiện, trụ ở tâm nào khởi phiền não hiện ở trước?

Đáp: Trụ ở tâm vô ký không ẩn một, hoặc oai nghi, hoặc công xảo, chẳng phải tâm báo. Vì sao? Vì tâm báo yếu kém.

Hỏi: Có phải vì tâm yếu kém, nên không thể thuận theo pháp thối chẳng?

Đáp: Tâm ở trong phần xuất ly thì yếu kém, tâm trong phần phiền não rất lấy lừng, lúc ấy bị thối lui tâm báo. Ở trong hai thứ tâm, đều yếu kém.

Lời bình: Trụ trong oai nghi, công xảo, tâm báo đều thối lui, nghĩa là tâm vô ký không ẩn một cõi Dục, trở ngại với tâm phiền não của ba cõi. Tâm báo kia, nếu lúc hiện ở trước phiền não của ba cõi không hiện ở trước mà thối lui. Hoặc trở ngại với phiền não cõi Dục, cõi Sắc, không trở ngại với phiền não cõi Vô sắc. Tâm báo kia, nếu lúc hiện ở trước, thì phiền não cõi Dục, cõi Sắc sẽ không được hiện ở trước. Nếu thối lui thì sẽ khởi phiền não cõi Vô sắc hiện ở trước. Hoặc có trở ngại với phiền não cõi Dục, không trở ngại với phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc. Nếu tâm báo kia hiện ở trước, phiền não cõi Dục không hiện ở trước thối lui. Nếu thối lui thì sẽ khởi phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là thối lui. Hoặc có khi không trở ngại với phiền não của ba cõi. Nếu tâm kia lúc hiện ở trước thì phiền não của ba cõi sẽ xoay vần hiện ở trước. Nếu không được thiền tịnh, được Vô sắc tịnh, nghĩa là hạnh hiện tiền được.

Người kia không thể do phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc hiện ở trước mà thối lui. Nếu được thiền tịnh, thì chứng đắc, nghĩa là đắc của hạnh hiện tiền, không được định của tịnh Vô sắc. Người kia không thể khởi phiền não, rồi thối lui. Nếu được thiền tịnh Vô sắc mà được, nghĩa là hành hiện tiền được. Nếu thối lui thì có thể khởi lên phiền não của ba cõi xoay vần hiện ở trước.

Hỏi: Khi thối lui là vì trụ ở ý địa mà thối lui hay trụ ở năm thức thân mà thối lui?

Đáp: Trụ ở ý địa thối lui, chẳng phải năm thức thân.

Hỏi: Nếu trụ nơi ý địa, chẳng phải năm thức thân, thì nhân duyên của vua Ưu-đà-diên làm sao hiểu được? Nghe nói: vua Ưu-đà-diên đem các cung nữ đến khu rừng núi Xuất-độc-ba-đà, không có người nam, hoàn toàn là người nữ, năm thứ nhạc tự vui chơi. Tiếng nói của các cung nữ rất trong trẻo, dịu dàng đáng yêu. Khi vua cho đốt các thứ danh hương, hoặc có các thể nữ khỏa thân đứng múa.

Bấy giờ, có năm trăm vị tiên, dùng sức thần túc bay lên hư không. Khi ngang qua chỗ đó, các vị tiên nhìn thấy sắc đẹp, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương thơm, bèn mất thần túc, giống như chim không cánh, rơi xuống giữa khu rừng ấy. Nhà vua thấy họ đứng lúc này, bèn hỏi: Các ông là ai?

Các vị tiên đáp: Chúng tôi là vị tiên.

Nhà vua lại hỏi: Chư Hiền! Các vị đã được định Phi tướng Phi phi tướng xứ chưa?

Đáp: Chưa được.

Cho đến hỏi: Các vị đã được Sơ thiền chăng?

Đáp: Từng được mà nay đã mất rồi.

Lúc đó, nhà vua nổi cơn giận dữ, nói: Các ông có dục vọng, vì nhìn thấy các cung phi, thể nữ của ta, nên mới phạm lỗi đó, bèn rút gươm bén chặt đứt hết tay, chân của năm trăm vị tiên.

Các vị tiên kia, hoặc có người trụ ở nhãn thức mà thối lui, hoặc có người trụ ở nhĩ thức thối lui, hoặc có người trụ ở tỷ thức mà thối lui. Với nhân duyên của Ưu-đà-la-ma-tử, làm sao hiểu được?

Nghe nói Ưu-đà-la-ma-tử được một vị vua thường bố thí thức ăn. Mỗi khi đến giờ, ông ta dùng sức thần túc, giống như chim nhận đầu đàn bay trên hư không đến cung vua. Bấy giờ nhà vua liền đến trước ông, đích thân đón rước, ôm lấy vị tiên đưa ngồi trên giường vàng, dâng lên cúng dường các thức ăn mà các vị tiên thường dùng. Vị tiên ăn xong, rửa bát, súc miệng, nói kệ chú nguyện, rồi bay lên hư không

mà đi.

Thời gian sau, vị vua này vì việc nước phải đến nơi khác, nghĩ rằng: Nếu ta đi rồi, sẽ không có người nào giúp việc thường cung cấp thức ăn cho vị tiên! Vị tiên với tánh vội vã, có thể nổi cơn giận rồi nguyên rửa, khiến ta hoặc sẽ mất ngôi vua, hoặc sẽ cắt đứt mạng sống của ta, bèn hỏi công chúa: Nếu vị tiên đến, như cung cách thường của trẫm đối với vị ấy, con có thể cúng dường được không?

Công chúa tâu: Muôn tâu phụ vương! Con làm được! Lúc ấy nhà vua lại ra lệnh cho các thể nữ phải tận tâm làm việc cúng dường cho vị tiên, sau đó mới đi kinh lý việc nước.

Hôm sau, đúng vào giờ ăn, vị tiên từ trên không bay đến. Lúc ấy, Công chúa thực hiện đúng như cung cách phụ vương đã dặn, đích thân đón rước, ôm lấy vị tiên đặt ngồi trên giường vàng. Thân thể công chúa rất mềm mại, vị tiên tuy đã lia dục, nhưng vẫn còn mỏng, ít, nên khi xúc chạm thân người nữ, liền thối mất thần túc. Sau khi ăn xong, rửa bát, súc miệng đọc kệ chú nguyện định bay lên hư không, nhưng không thể được. Phía sau cung vua có khu vườn, vị tiên liền đi vào đó, định tu thần túc nhưng tai vẫn nghe tiếng rầm rập của voi, ngựa, xa giá nên tu không được.

Khi đó, người dân trong thành thường nghĩ: Nếu khiến cho vị đại tiên kia đi trên đất, tất chúng ta sẽ được gần gũi dưới chân. Vị tiên vốn thông minh trí tuệ khéo biết phương tiện, bèn nói với công chúa: Nàng hãy báo cho các người người dân trong thành được biết, hôm nay vị đại tiên sẽ từ cung vua đi bộ ra. Dân chúng hãy làm cho xong những việc nên làm. Y như lời vị tiên dạy, công chúa liền báo cho dân chúng trong thành biết.

Bấy giờ, dân chúng lo quét dọn sạch sẽ rác rưởi ở các con đường chính dẫn đến thành, treo các phướn, lọng, đốt các thứ danh hương, rải các thứ hoa, trang hoàng đẹp đẽ giống như thành trời. Lúc ấy vị tiên từ cung vua đi bộ ra khỏi thành không xa thì rẽ vào rừng cây, định tu thần túc. Nghe tiếng chim hót, tu không thể được, bèn bỏ rừng cây, lại bên bờ sông, dùng cách xưa để tu thần túc. Lại nghe tiếng cá tôm động mạnh trong nước nên cũng tu không được, mới đi dần lên núi, nghĩ rằng: Sở dĩ hiện nay ta mất hết pháp thiện đều do chúng sinh. Thông thường các pháp thiện, các hạnh tịnh, hạnh khổ ta đã có được khiến ta sẽ làm đủ các loài chúng sinh như thế để làm hại mọi loài ở nước, đi trên đất liền, hoặc bay trên hư không, hoặc chúng sanh sống dưới nước tất cả đều không thoát khỏi tay ta. Phát ra lời thề độc ác này xong, liền lia dục

của tám địa, sinh lên cõi Hữu Đảnh của xứ Phi tướng Phi phi tướng, mở cửa cam lộ ở ngoài ruộng vắng lặng, suốt trong tám vạn kiếp ở trong cảnh tịch tĩnh an vui. Khi nghiệp báo hết, trở lại sinh vào chốn A-lan-nhã Đàm-ma trong rừng cây Đấp-ba này, làm chồn có cánh, thân cao năm mươi do-tuần, hai cánh mỗi bên đều rộng năm mươi do-tuần, thân dài đến một trăm năm mươi do-tuần. Vị tiên kia đã dùng thân khổng lồ ấy sát hại tất cả chúng sinh bay trên hư không, sống dưới nước, đi trên đất liền không chúng sinh nào thoát khỏi tai họa. Sau khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ!

Lúc trụ ở thân thức như thế v.v... rồi thối lui. Với nhân duyên của Đế - thích, làm sao hiểu được? Nghe nói lúc Phật chưa xuất thế, Đế- thích thường đi đến chỗ vị tiên Đề Ba Diên Na để nghe pháp. Sau đó Đế-thích cưỡi xe trang hoàng bằng các thứ báu, định đến chỗ vị tiên, khi đó nữ A-tu-la vợ của Đế-thích là phu nhân Xá- Chi nghĩ rằng: “Nay Đế-thích bỏ ta, định đến với các thể nữ khác”, nghĩ như vậy rồi vội giấu hình mình bước lên xe. Đế-thích không hay biết vẫn cho xe đi đến chỗ vị tiên. Chừng ngoạn lại mới thấy Xá-chi, liền hỏi: Tại sao khanh lại đến đây? Nay vị tiên không muốn nhìn thấy người nữ, vậy khanh nên về cung. Bấy giờ Xá-chi không muốn trở lại, Đế-thích bèn dùng cộng hoa sen đánh, Xá-chi dùng tiếng nói dịu dàng êm ái của người nữ để từ tạ Đế-thích. Vị tiên nghe liền khởi tâm ái dục như thế mà hiện ra trước mặt, khiến búi tóc của ông ta liền rớt xuống đất.

Trụ ở nhĩ thức như thế v.v... mà thối lui. Nếu trụ ở ý thức, không trụ nơi năm thức mà thối lui, với các nhân duyên như thế v.v..., làm sao hiểu được?

Đáp: Các thuyết nói như vậy v.v... đều trước dựa vào năm thức sinh ra ý thức, sau đó mới thối lui.

Tôn giả tăng-già-bà-tu đã nói rằng: Trụ ở năm thức thân cũng thối lui. Vì sao? Vì mắt thấy sắc, có thể sinh phiền não, cho đến thân xúc chạm sự xúc chạm ấy có thể sinh ra phiền não. Vì sự đối trị của vị tiên kia yếu kém, nên hễ mắt vừa nhìn thấy sắc là thối lui ngay, cho đến thân xúc chạm, xúc chạm liền thối lui.

Lời bình: Nên nói rằng: Trụ ở ý địa thối lui, không trụ ở sáu thức. Vì sao? Vì ý địa có sáu việc không chung cho năm thức:

1. Thối chuyển.
2. Lìa dục.
3. Chết.
4. Sinh.

5. Dứt căn thiện.

6. Lại khiến cho nối tiếp.

